

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 301

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Bình Định.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều hồ tiêu trong các tỉnh sau đây?

- A. Tây Ninh. B. Cà Mau. C. Hậu Giang. D. Bạc Liêu.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Thanh Hóa.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Pleiku thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Gia Lai. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Kon Tum.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Vinh. B. Nam Định. C. Hải Phòng. D. Huế.

Câu 46: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển trồng trọt ở Đông Nam Bộ là

- A. thủy lợi. B. sương muối. C. rét hại. D. động đất.

Câu 47: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Ma-lai-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin. B. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.
 D. Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan. C. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Vị Thanh. B. Hà Tiên. C. Bạc Liêu. D. Long Xuyên.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Ia Lốp. B. Sông Hậu. C. Sông Krông Knô. D. Sông Krông Ana.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều chè trong các tỉnh sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Hà Giang. C. Bình Định. D. Vĩnh Long.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Đà Nẵng?

- A. Mũi Né. B. Sa Huỳnh. C. Non Nước. D. Đại Lãnh.

Câu 52: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta khi có bão?

- A. Lũ quét. B. Ngập mặn. C. Sóng thần. D. Lũ nguồn.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có

lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Nha Trang. B. Điện Biên Phủ. C. Đà Lạt. D. Đà Nẵng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- A. Vũng Tàu. B. Cần Thơ. C. Thái Nguyên. D. Hải Phòng.

Câu 55: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phát triển

- A. tập trung cao. B. rất nhanh. C. còn chậm. D. rất đa dạng.

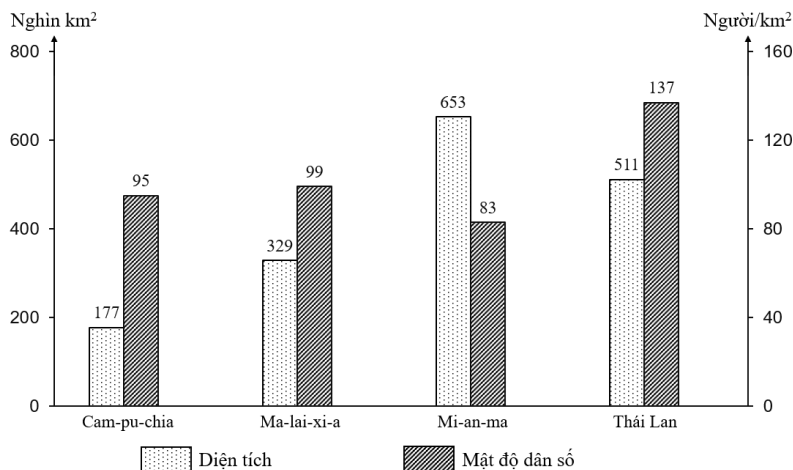
Câu 56: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. thác nước. B. sức gió. C. thủy triều. D. dầu khí.

Câu 57: Bốn phân hữu cơ cho đất trồng ở đồng bằng nước ta là biện pháp để

- A. chống xói mòn. B. ngăn ngập lụt. C. chống ô nhiễm. D. tăng độ phì.

Câu 58: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Thái Lan gấp hơn bốn lần Cam-pu-chia. B. Mi-an-ma lớn hơn Thái Lan.
C. Mi-an-ma gấp hơn hai lần Ma-lai-xi-a. D. Cam-pu-chia lớn hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía nam núi Phu Pha Phong?

- A. Pha Luông. B. Tản Viên. C. Phu Luông. D. Chí Linh.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Lào Cai. B. Na Mèo. C. Tây Trang. D. Cầu Treo.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác sắt?

- A. Lai Châu. B. Bắc Kạn. C. Yên Bái. D. Tuyên Quang.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Tân An. B. Phan Thiết. C. Sóc Trăng. D. Cà Mau.

Câu 63: Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay

- A. phân bố tập trung ở ven các đô thị. B. hoàn toàn nhằm mục đích lấy sữa.
C. chủ yếu dựa vào thức ăn tự nhiên. D. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu.

Câu 64: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. thảm thực vật giàu sức sống. B. gió Mậu dịch thổi quanh năm.
C. lượng mưa phân bố theo mùa. D. các dãy núi hướng vòng cung.

Câu 65: Vận chuyển bằng đường ống nước ta hiện nay

- A. phân bố đều khắp ở các vùng kinh tế. B. có nhiều tuyến nối liền với các nước.
C. gắn với phát triển của ngành dầu khí. D. chỉ dùng để vận chuyển khí tự nhiên.

Câu 66: Tỷ lệ dân thành thị nước ta hiện nay

A. không có sự thay đổi qua các năm.

C. còn thấp so với thế giới và khu vực.

B. gia tăng đều nhau ở khắp các vùng.

D. lớn hơn rất nhiều so với nông thôn.

Câu 67: Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

A. phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.

C. phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.

B. chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu.

D. tập trung hầu hết ở các đầm phá.

Câu 68: Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay

A. thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.

C. hình thành các nhà máy lọc hóa dầu.

B. phục vụ hoạt động xuất khẩu dầu thô.

D. chỉ tập trung ở thềm lục địa phía bắc.

Câu 69: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

A. phát triển kinh tế nhiều thành phần.

C. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

B. tăng cường mở rộng các thành phố.

D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 70: Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

A. tương ứng với quá trình hiện đại hóa.

C. chỉ tập trung ở lĩnh vực công nghiệp.

B. hình thành nên khu kinh tế ven biển.

D. làm gia tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân.

Câu 71: Giải pháp chủ yếu phát triển cây thực phẩm ở Đồng bằng Sông Hồng là

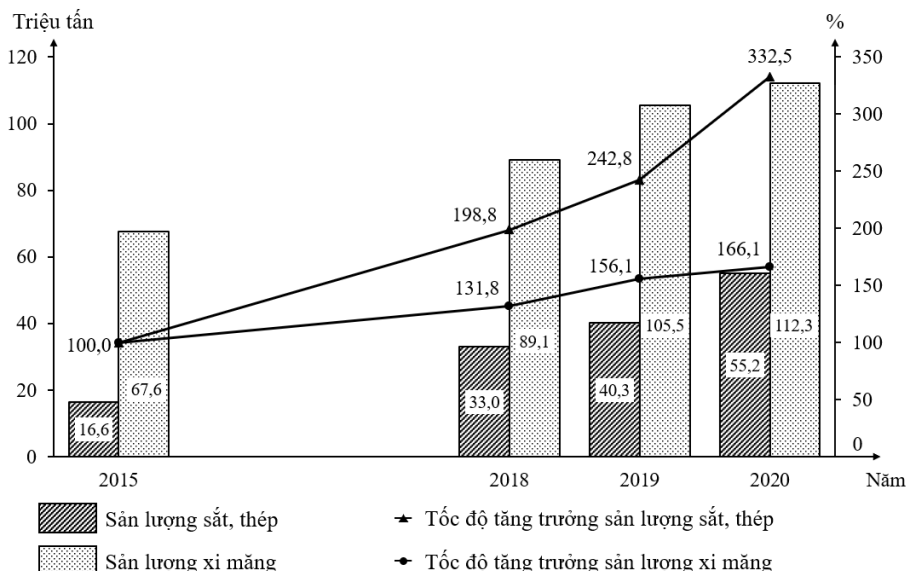
A. sản xuất thâm canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

C. thúc đẩy chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa.

B. sử dụng các giống tốt, nâng trình độ lao động.

D. đa dạng nông sản, ứng dụng tiến bộ khoa học.

Câu 72: Cho biểu đồ về sản xuất sắt, thép và sản xuất xi măng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.

C. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.

B. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

D. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển đa dạng cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lí tự nhiên.

B. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa thiên nhiên, giảm thiểu rủi ro.

C. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác các tiềm năng.

D. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.

Câu 74: Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

A. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.

B. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.

C. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.

D. Tin phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. bố trí cây trồng hợp lí, phát triển thủy lợi.

B. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.

C. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực.

D. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.

Câu 76: Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

A. sản xuất tăng trưởng, chất lượng sống tăng.

B. dân số tăng, các đô thị ngày càng mở rộng.

C. thị trường mở rộng, hội nhập toàn cầu sâu.

D. công nghiệp đa dạng, giao thông phát triển.

Câu 77: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

A. mở rộng phân bố sản xuất, tạo mô hình kinh tế mới, bảo vệ môi trường.

B. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

C. giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lý tài nguyên.

D. đa dạng nông sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường sản xuất lớn.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

A. bảo vệ động vật hoang dã, tăng độ che phủ.

B. chống xói mòn, bảo đảm cân bằng sinh thái.

C. tăng nguồn nước ngầm, góp phần chống lũ.

D. giữ gìn cảnh quan, bảo vệ đa dạng sinh học.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

(Đơn vị: Triệu lượt người.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14 271,1	34 189,2	36 379,3	25 781,4
Quốc tế	27 797,3	33 666,8	41 023,5	8 343,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

A. Cột, đường, miền.

B. Đường, tròn, cột.

C. Tròn, đường, miền.

D. Miền, cột, tròn.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất khẩu.

B. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.

C. mở rộng thương mại, khai thác các nguồn lực.

D. phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt của vùng.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41.A	42.A	43.C	44.A	45.C	46.A	47.C	48.D	49.B	50.B
51.C	52.B	53.B	54.C	55.C	56.D	57.D	58.A	59.D	60.A
61.C	62.D	63.C	64.A	65.C	66.C	67.A	68.A	69.D	70.D
71.A	72.D	73.D	74.C	75.A	76.A	77.C	78.D	79.D	80.A

Họ, tên thí sinh:
Số báo danh:

Mã đề thi 302

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Điện Biên Phủ. B. Nha Trang. C. Đà Nẵng. D. Đà Lạt.

Câu 42: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Ma-lai-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin. B. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía nam núi Phú Pha Phong?

- A. Tản Viên. B. Pha Luông. C. Phu Luông. D. Chí Linh.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Hà Tiên. B. Vị Thanh. C. Long Xuyên. D. Bạc Liêu.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Cầu Treo. B. Tây Trang. C. Na Mèo. D. Lào Cai.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Pleiku thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum. B. Lâm Đồng. C. Gia Lai. D. Đắk Lắk.

Câu 48: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phát triển

- A. tập trung cao. B. rất nhanh. C. còn chậm. D. rất đa dạng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- A. Thái Nguyên. B. Vũng Tàu. C. Cần Thơ. D. Hải Phòng.

Câu 50: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. thủy triều. B. dầu khí. C. sức gió. D. thác nước.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Đà Nẵng?

- A. Đại Lãnh. B. Mũi Né. C. Non Nước. D. Sa Huỳnh.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều hồ tiêu trong các tỉnh sau đây?

- A. Cà Mau. B. Bạc Liêu. C. Hậu Giang. D. Tây Ninh.

Câu 53: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển trồng trọt ở Đông Nam Bộ là

- A. rét hại. B. sương muối. C. động đất. D. thủy lợi.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Hậu. B. Sông Krông Ana. C. Sông Krông Knô. D. Sông Ia Lốp.

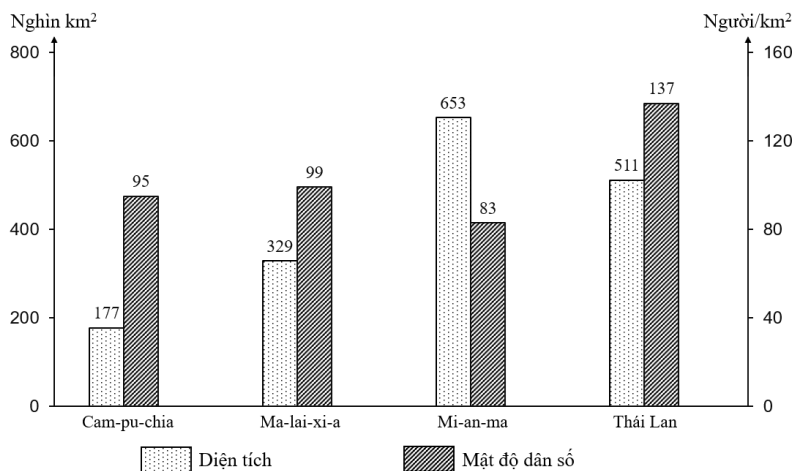
Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 56: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta khi có bão?

- A. Sóng thần. B. Lũ quét. C. Ngập mặn. D. Lũ nguồn.

Câu 57: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia lớn hơn Ma-lai-xi-a. B. Mi-an-ma lớn hơn Thái Lan.
C. Thái Lan gấp hơn bốn lần Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma gấp hơn hai lần Ma-lai-xi-a.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Nam Định. B. Hải Phòng. C. Huế. D. Vinh.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác sắt?

- A. Yên Bái. B. Lai Châu. C. Tuyên Quang. D. Bắc Kạn.

Câu 60: Bón phân hữu cơ cho đất trồng ở đồng bằng nước ta là biện pháp để

- A. chống xói mòn. B. ngăn ngập lụt. C. chống ô nhiễm. D. tăng độ phì.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Phan Thiết. D. Tân An.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều chè trong các tỉnh sau đây?

- A. Hà Giang. B. Quảng Bình. C. Vĩnh Long. D. Bình Định

Câu 63: Tỷ lệ dân thành thị nước ta hiện nay

- A. gia tăng đều nhau ở khắp các vùng. B. lớn hơn rất nhiều so với nông thôn.
C. còn thấp so với thế giới và khu vực. D. không có sự thay đổi qua các năm

Câu 64: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. tăng cường mở rộng các thành phố. B. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng,
C. phát triển kinh tế nhiều thành phần. D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 65: Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở lĩnh vực công nghiệp. B. tương ứng với quá trình hiện đại hóa.
C. làm gia tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân. D. hình thành nên khu kinh tế ven biển.

Câu 66: Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

A. phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.

C. chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu

B. phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.

D. tập trung hầu hết ở các đầm phá

Câu 67: Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay

A. thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.

C. chỉ tập trung ở thềm lục địa phía bắc

B. hình thành các nhà máy lọc hóa dầu.

D. phục vụ hoạt động xuất khẩu dầu thô

Câu 68: Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay

A. hoàn toàn nhằm mục đích lấy sữa.

C. phân bố tập trung ở ven các đô thị.

B. chủ yếu dựa vào thức ăn tự nhiên.

D. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu

Câu 69: Vận chuyển bằng đường ống nước ta hiện nay

A. có nhiều tuyến nối liền với các nước.

C. phân bố đều khắp ở các vùng kinh tế.

B. chỉ dùng để vận chuyển khí tự nhiên.

D. gắn với phát triển của ngành dầu khí.

Câu 70: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

A. các dãy núi hướng vòng cung.

C. lượng mưa phân bố theo mùa.

B. thảm thực vật giàu sức sống.

D. gió Mậu dịch thổi quanh năm

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là

A. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông.

C. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã.

B. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ.

D. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học.

Câu 72: Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là

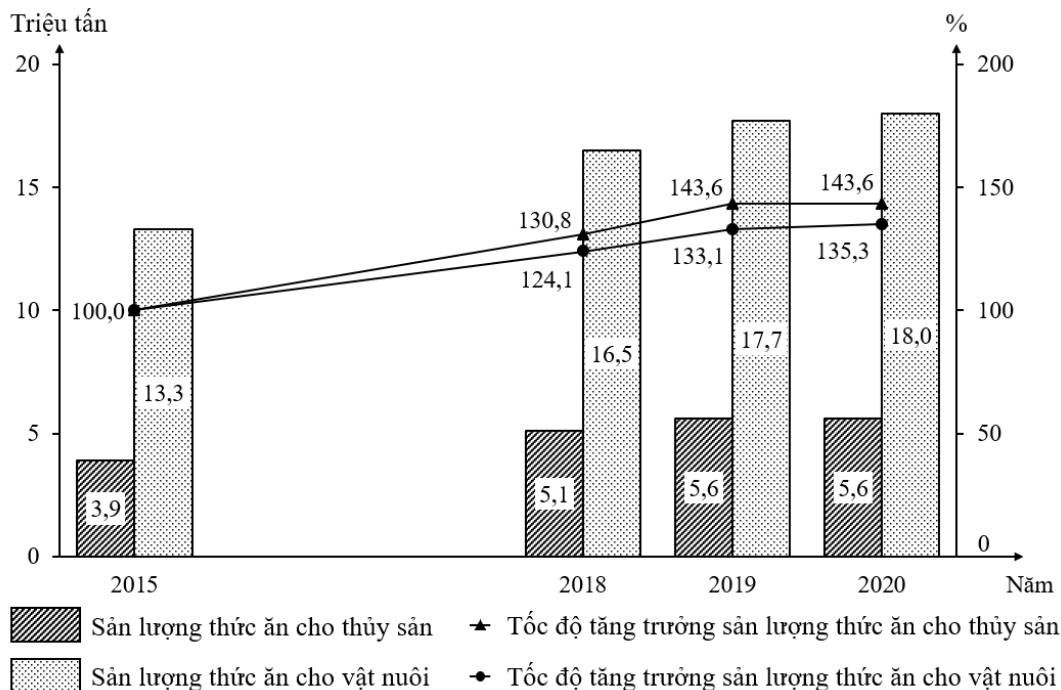
A. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

C. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.

B. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại.

D. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới.

Câu 73: Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

C. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.

B. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.

D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa.

C. có cơ cấu sản xuất hợp lý, chú ý nước ngọt.

B. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu.

D. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt.

Câu 75: Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

A. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.

- B.** Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lí, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lí.
D. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A.** tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
B. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.
C. sử dụng hợp lí tự nhiên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
D. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.

Câu 77: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A.** làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.
B. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
C. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
D. sử dụng hợp lí thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A.** thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. **B.** tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng.
C. sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo nhiều việc làm. **D.** đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thế mạnh.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA
 GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A.** Tròn, đường, miền. **B.** Miền, cột, tròn. **C.** Đường, tròn, cột. **D.** Cột, đường, miền.

Câu 80: Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A.** cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới. **B.** kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng.
C. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng. **D.** sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41.A	42.D	43.D	44.D	45.C	46.D	47.C	48.C	49.A	50.B
51.C	52.D	53.D	54.A	55.B	56.C	57.C	58.B	59.A	60.D
61.A	62.A	63.C	64.D	65.C	66.B	67.A	68.B	69.D	70.B
71.B	72.A	73.A	74.C	75.D	76.C	77.C	78.D	79.B	80.B

Họ, tên thí sinh:
 Số báo danh:

Mã đề thi 303

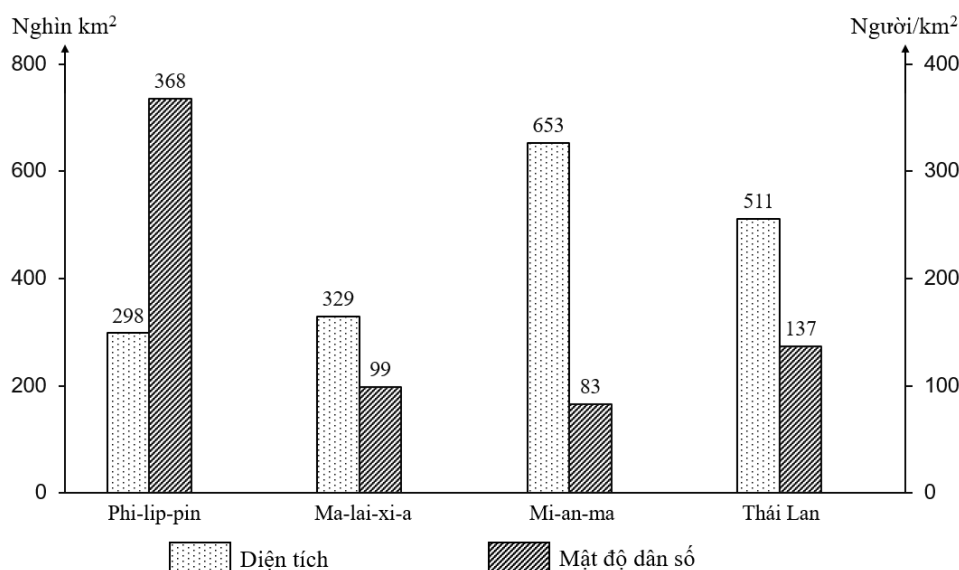
Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

- A. Vĩnh Long. B. Bình Phước. C. Sóc Trăng. D. Hậu Giang.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Biên Hòa. B. Cà Mau. C. Long Xuyên. D. Mỹ Tho.

Câu 43: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin. B. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma.
 C. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma. D. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Thương. B. Sông Lục Nam. C. Sông Kinh Thầy. D. Sông Hồng.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Bắc Kạn. B. Thái Nguyên. C. Nghĩa Lộ. D. Cao Bằng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?

- A. Điện Biên. B. Cao Bằng. C. Lào Cai. D. Thái Nguyên.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

- A. Trà Vinh. B. Hà Tĩnh. C. Cao Bằng. D. Kon Tum.

Câu 48: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. than đá. B. thác nước. C. sức gió. D. thủy triều.

Câu 49: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. tập trung. B. khắp mọi nơi. C. rất đồng đều. D. phân tán.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Thanh Hóa. B. Nam Định. C. Hạ Long. D. Vinh.

Câu 51: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?

- A. Sóng thần. B. Ngập lụt. C. Hạn mặn. D. Bão biển.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- A. Cần Thơ. B. Hải Phòng. C. Vũng Tàu. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Thái Bình. B. Ninh Bình. C. Thanh Hóa. D. Nam Định.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đắk Nông. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Lâm Đồng.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

- A. Pu Xai Lai Leng. B. Rào Cò. C. Phu Hoạt. D. Phu Pha Phong.

Câu 56: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

- A. hạn chế xói mòn. B. ngăn hạn mặn. C. ngăn lũ quét. D. chống ngập úng.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Đồng Hới. C. Sa Pa. D. Nha Trang.

Câu 58: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là

- A. giống cây. B. nước ngầm. C. thủy lợi. D. môi trường.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 60: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.
C. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

- A. Đá Nhảy. B. Thuận An. C. Khe Sanh. D. Thiên Cầm.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Tây Trang. B. Cầu Treo. C. Nậm Cắn. D. Hữu Nghị.

Câu 63: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ. B. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.
C. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển. D. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.

Câu 64: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A. hầu hết hoạt động trong công nghiệp. B. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.
C. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao. D. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.

Câu 65: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc.
C. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi.

- B. được mở rộng và phủ khắp các vùng.
D. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.

Câu 66: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.
C. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.

- B. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.
D. hình thành các vùng chuyên canh.

Câu 67: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. tăng cường quá trình hiện đại hóa.
C. phát triển nhanh kinh tế thị trường.

- B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.
D. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

Câu 68: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.
C. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.

- B. phân bố tập trung tại các vùng núi.
D. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.

Câu 69: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.
C. có sản lượng đều nhau ở các năm.

- B. phát triển rộng rãi khắp các vùng.
D. góp phần vào phát triển nhiệt điện.

Câu 70: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. các loại gió thổi theo mùa.
C. nhiều vùng núi khác nhau.
D. thực vật bốn mùa xanh tốt.

- B. một số loại đất độ phì cao.

Câu 71: Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

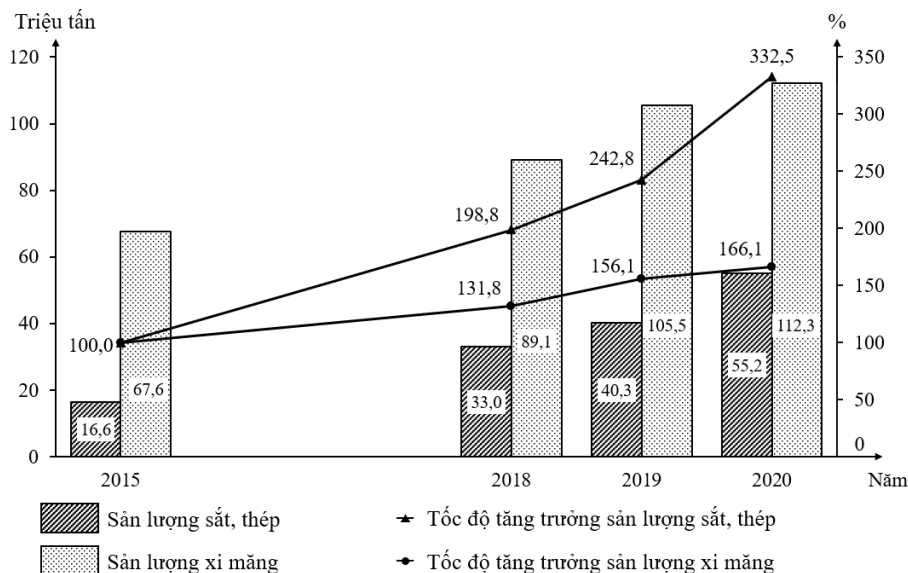
- A. dân số tăng, các đô thị ngày càng mở rộng.
C. công nghiệp đa dạng, giao thông phát triển.

- B. sản xuất tăng trưởng, chất lượng sống tăng.
D. thị trường mở rộng, hội nhập toàn cầu sâu.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển đa dạng cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác các tiềm năng.
B. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lí tự nhiên.
C. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.
D. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa thiên nhiên, giảm thiểu rủi ro.

Câu 73: Cho biểu đồ về sản xuất sắt, thép và sản xuất xi măng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
C. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

- B. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

Câu 74: Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.
B. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.
D. Tin phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. mở rộng thương mại, khai thác các nguồn lực.
khẩu.

B. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất

C. phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt của vùng.

D. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.

Câu 76: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

A. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

B. giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lý tài nguyên.

C. mở rộng phân bố sản xuất, tạo mô hình kinh tế mới, bảo vệ môi trường.

D. đa dạng nông sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường sản xuất lớn.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu phát triển cây thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

A. thúc đẩy chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa.

B. sử dụng các giống tốt, nâng trình độ lao động.

C. đa dạng nông sản, ứng dụng tiến bộ khoa học.

D. sản xuất thâm canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 78: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu lượt người.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14 271,1	34 189,2	36 379,3	25 781,4
Quốc tế	27 797,3	33 666,8	41 023,5	8 343,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

A. Cột, đường, miền.

B. Đường, tròn, cột.

C. Tròn, đường, miền.

D. Miền, cột, tròn.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

A. bảo vệ động vật hoang dã, tăng độ che phủ.

B. tăng nguồn nước ngầm, góp phần chống lũ.

C. giữ gìn cảnh quan, bảo vệ đa dạng sinh học.

D. chống xói mòn, bảo đảm cân bằng sinh thái.

Câu 80: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.

B. bố trí cây trồng hợp lý, phát triển thủy lợi.

C. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực.

D. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41.B	42.A	43.D	44.D	45.B	46.C	47.A	48.A	49.D	50.C
51.C	52.D	53.C	54.D	55.D	56.A	57.C	58.D	59.B	60.B
61.B	62.D	63.C	64.B	65.B	66.C	67.C	68.D	69.D	70.D
71.B	72.C	73.C	74.C	75.B	76.B	77.D	78.D	79.C	80.B

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 304

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

- A. Khe Sanh. B. Đá Nhảy. C. Thuận An. D. Thiên Cầm.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Cà Mau. B. Biên Hòa. C. Mỹ Tho. D. Long Xuyên.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su trong các tỉnh sau đây?

- A. Bình Phước. B. Hậu Giang. C. Vĩnh Long. D. Sóc Trăng.

Câu 44: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. sức gió. B. than đá. C. thác nước. D. thủy triều.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

- A. Nghĩa Lộ. B. Thái Nguyên. C. Bắc Kạn. D. Cao Bằng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều dừa trong các tỉnh sau đây?

- A. Trà Vinh. B. Cao Bằng. C. Kon Tum. D. Hà Tĩnh.

Câu 47: Làm ruộng bậc thang trong sản xuất ở đồi núi nước ta là biện pháp để

- A. hạn chế xói mòn. B. ngăn lũ quét. C. chống ngập úng. D. ngăn hạn mặn.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Thương. B. Sông Lục Nam. C. Sông Hồng. D. Sông Kinh Thầy.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Sa Pa. B. Nha Trang. C. Đà Nẵng. D. Đồng Hới.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Thanh Hóa. B. Nam Định. C. Thái Bình. D. Ninh Bình.

Câu 51: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a. B. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
C. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia. D. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Cửa Lò thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Hà Tĩnh.

Câu 53: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. rất đồng đều. B. khắp mọi nơi. C. phân tán. D. tập trung.

Câu 54: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là

- A. nước ngầm. B. môi trường. C. giống cây. D. thủy lợi.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

- A. Cầu Treo. B. Tây Trang. C. Hữu Nghị. D. Nậm Cắn.

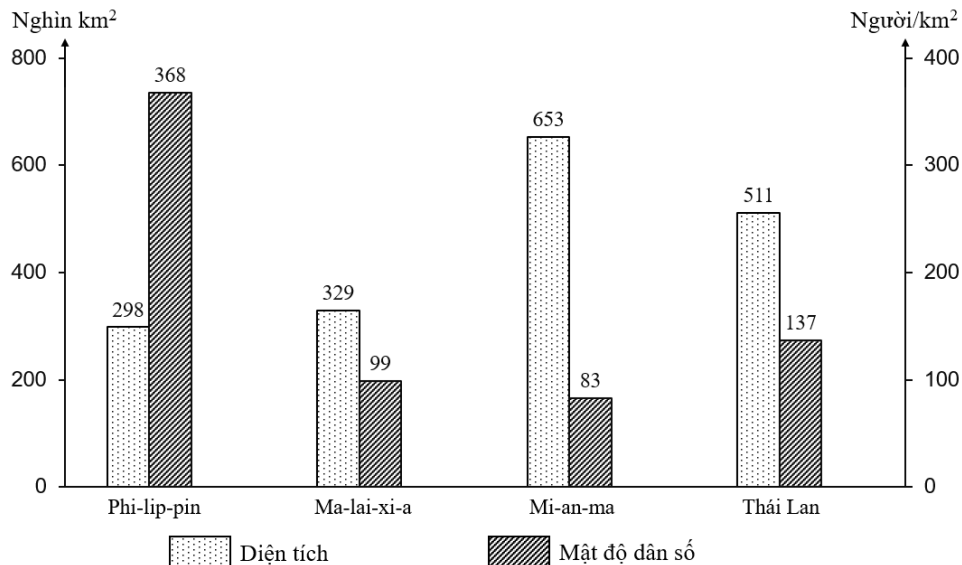
Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

- A. Hải Phòng. B. Cần Thơ. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đắk Lắk. B. Kon Tum. C. Lâm Đồng. D. Đắk Nông.

Câu 58: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma. B. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin.
C. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma. D. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.

Câu 59: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta vào mùa khô?

- A. Sóng thần. B. Bão biển. C. Ngập lụt. D. Hạn mặn.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác apatit?

- A. Thái Nguyên. B. Điện Biên. C. Lào Cai. D. Cao Bằng.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Vinh. B. Hạ Long. C. Thanh Hóa. D. Nam Định.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía bắc núi Chí Linh?

- A. Phu Hoạt. B. Pu Xai Lai Leng. C. Rào Cỏ. D. Phu Pha Phong.

Câu 63: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số. B. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.
C. hầu hết hoạt động trong công nghiệp. D. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 64: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. chỉ chú trọng vào các loài cá quý. B. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.
C. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển. D. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.

Câu 65: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm. B. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.
C. phân bố tập trung tại các vùng núi. D. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.

Câu 66: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. phát triển rộng rãi khắp các vùng. B. góp phần vào phát triển nhiệt điện.
C. có sản lượng đều nhau ở các năm. D. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.

Câu 67: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. một số loại đất độ phì cao. B. các loại gió thổi theo mùa.
C. thực vật bốn mùa xanh tốt. D. nhiều vùng núi khác nhau.

Câu 68: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. được mở rộng và phủ khắp các vùng. B. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.
C. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi. D. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc.

Câu 69: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước. B. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.
C. hình thành các vùng chuyên canh. D. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.

Câu 70: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. phát triển nhanh kinh tế thị trường. B. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.
C. tăng cường quá trình hiện đại hóa. D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thế mạnh. B. tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng.
C. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. D. sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

Câu 72: Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.
B. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lí, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lí.
D. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
B. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.
C. sử dụng hợp lí tự nhiên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
D. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu. B. có cơ cấu sản xuất hợp lí, chú ý nước ngọt.
C. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa. D. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt.

Câu 75: Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới. B. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.
C. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại. D. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là

- A. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông. B. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã.
C. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học. D. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Cột, đường, miền. B. Miền, cột, tròn. C. Tròn, đường, miền. D. Đường, tròn, cột.

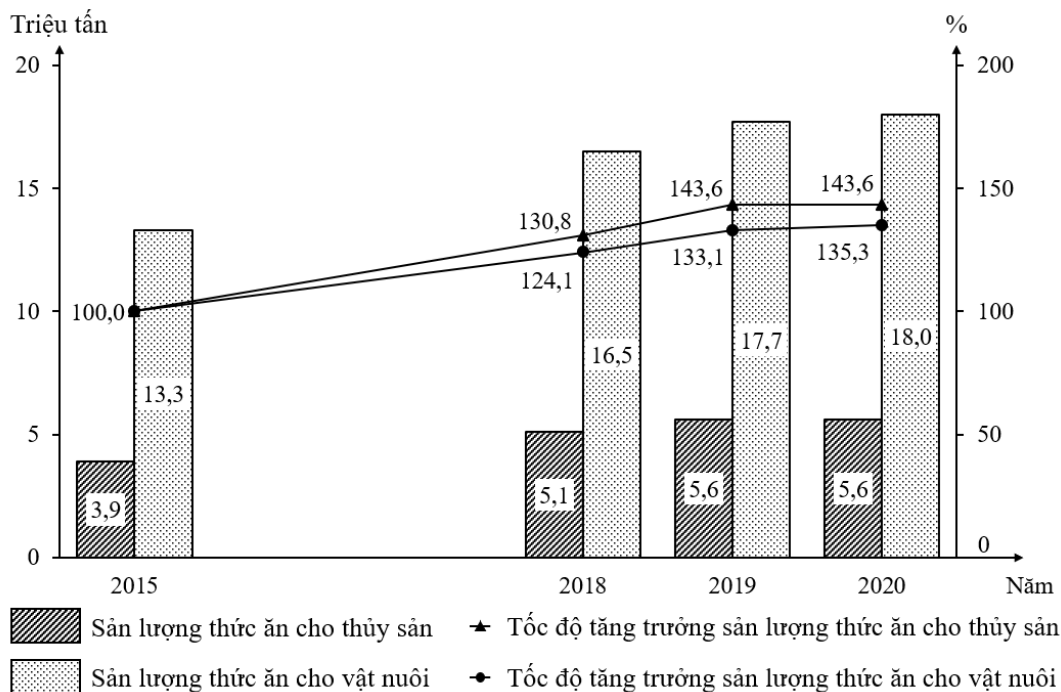
Câu 78: Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng. B. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng.
C. sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp. D. cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới.

Câu 79: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
B. sử dụng hợp lý thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.
C. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
D. làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.

Câu 80: Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng. B. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
C. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng. D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41.C	42.B	43.A	44.B	45.B	46.A	47.A	48.C	49.A	50.A
51.D	52.B	53.C	54.B	55.C	56.C	57.C	58.D	59.D	60.C
61.B	62.D	63.A	64.C	65.A	66.B	67.C	68.A	69.D	70.A
71.A	72.D	73.C	74.B	75.D	76.D	77.B	78.B	79.A	80.C